

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO L
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 52/2023/DS- ST

Ngày: 25-9-2023.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO L

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: bà **Vũ Thị Thúy THNH**

Các Hội thẩm nhân dân: ông **Phạm Đức Minh**

bà **Nguyễn Thị Tài**

- *Thư ký phiên Tòa:* ông **Trương Quang Vũ**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L tham gia phiên tòa:* bà **Nguyễn Thị H.**

Hôm nay, ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 117/2023/TLST- DS ngày 14 tháng 7 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 88/2023/QĐST-DS ngày 15/9/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông **Nguyễn Hải T**, sinh năm 1972 và bà **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1974. Địa chỉ: số 9A Bế Văn Đàn, tổ 15, thị trấn Di Linh, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông **Đinh Văn S**, sinh năm 1974 và ông **Phạm Quốc V**, sinh năm 1987. Cùng trú tại: số 56 Phạm Ngũ Lão, tổ 15, thị trấn Di Linh, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

Bị đơn: ông **Phạm Văn H**, sinh năm 1962 và bà **Vũ Thị L**, sinh năm 1975. Địa chỉ: thôn 11, xã Lộc An, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng. ông H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09-7-2023 cùng những lời trình bày của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thể hiện: Do có quen biết nên ngày 18/7/2020 ông T, bà H có cho ông H, bà L vay số tiền 200.000.000 đồng, hai bên có ký hợp đồng vay được văn phòng công chứng Phan Văn Minh Hoàng ký công chứng ngày 18/7/2020, chữ viết và ký vào bên người mượn tiền là của ông H, bà L. Khi vay

hai bên có thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày hợp đồng vay được ký và chứng nhận. Đến hạn, ông T, bà H có đòi tiền nhiều lần nhưng ông H, bà L không trả. Nay ông T, bà H khởi kiện yêu cầu ông H, bà L phải trả cho ông T bà H số tiền vay gốc là 200.000.000 đồng và lãi suất như sau: Lãi trong hạn từ ngày 18/7/2020 đến 18/01/2021 là 6 tháng x 1%/tháng = 12.000.000 đồng.

Lãi quá hạn: từ ngày 19/01/2021 đến 25/9/2023 là 32 tháng 06 ngày, lãi suất 1,5%/tháng = 96.600.000 đồng.

Tổng cả gốc và lãi là 308.600.000 đồng

Yêu cầu ông H, bà L trả cho ông T, bà H tổng cả gốc và lãi là 308.600.000 đồng.

Tòa án đã tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng hòa giải không được.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên.

Sau khi Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hải T và bà Nguyễn Thị Thu H về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” với ông Phạm Văn H và bà Vũ Thị L.

Buộc ông Phạm Văn H và bà Vũ Thị L có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Hải T và bà Nguyễn Thị Thu H số tiền vay gốc là 200.000.000 đồng và lãi suất trong hạn, quá hạn theo quy định của pháp luật.

Về án phí : Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: ông H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà L được Tòa án triệu tập họp lệ vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền: nguyên đơn ông Nguyễn Hải T và bà Nguyễn Thị Thu H khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn ông Phạm Văn H và bà Vũ Thị L phải trả số tiền vay là 200.000.000 đồng và lãi suất phát sinh nên xác định quan hệ “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” và thuộc thẩm quyền của Tòa án giải quyết theo quy định khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hải T và bà

Nguyễn Thị Thu H, đối chiếu tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình và lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thấy rằng: Theo giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án được đánh số bút lục 34, 35, 36 thể hiện ngày 18/7/2020 ông Phạm Văn H và bà Vũ Thị L có vay của ông Nguyễn Hải T và bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1%/tháng, thời hạn trả nợ sáu tháng kể từ ngày hợp đồng vay được ký và chứng nhận, ký và ghi họ tên bên vay Phạm Văn H và Vũ Thị L.

Nên ông Nguyễn Hải T và bà Nguyễn Thị Thu H khởi kiện là có căn cứ và đúng pháp luật vì ông T, bà H xuất trình được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là hợp đồng vay tiền được văn phòng công chứng Phan Văn Minh Hoàng ký công chứng ngày 18/7/2020, có chữ ký bên vay của ông Phạm Văn H và bà Vũ Thị L. Do vậy áp dụng các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự, cần buộc ông Phạm Văn H và bà Vũ Thị L có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Hải T và bà Nguyễn Thị Thu H số tiền vay nợ gốc là 200.000.000 đồng.

[4] Về lãi suất áp dụng khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự cần buộc ông H, bà L phải chịu lãi xuất như sau: Lãi trong hạn từ ngày 18/7/2020 đến 18/01/2021 là 6 tháng x 1%/tháng x 200.000.000đ = 12.000.000 đồng.

Lãi quá hạn: từ ngày 19/01/2021 đến 25/9/2023 là 32 tháng 06 ngày, lãi suất 1,5%/tháng x 200.000.000đ = 96.600.000 đồng.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do ông H, bà L phải trả cho ông T, bà H 200.000.000 đồng tiền vay và 108.600.000 đồng tiền lãi nên ông H, bà L phải nộp 15.430.000 đồng án phí DSST, tuy nhiên ông H là người già trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí nên cần miễn án phí cho ông H, buộc bà L phải nộp 7.715.000 đồng án phí DSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 207; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466; khoản 1 Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

1/ **Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hải T và bà Nguyễn Thị Thu H về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” với ông Phạm Văn H và bà Vũ Thị L.

Buộc ông Phạm Văn H và bà Vũ Thị L có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Hải T và bà Nguyễn Thị Thu H 308.600.000 (ba trăm lẻ tám triệu sáu trăm ngàn) đồng, trong đó 200.000.000 đồng tiền vay và 108.600.000 đồng tiền lãi.

“*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hình án của người được thi Hình án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi Hình án) cho đến khi thi Hình án xong bên phải thi Hình án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hình án*”

theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.

2/Về án phí: căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Vũ Thị L phải nộp 7.715.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm, miễn án phí Dân sự sơ thẩm số tiền 7.715.000 đồng cho ông Phạm Văn H.

Ông Nguyễn Hải T và bà Nguyễn Thị Thu H được nhận lại số tiền 7.537.500 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012934 ngày 14/7/2023 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Bảo L.

3/ Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày 25/9/2023 để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo L;
- Chi cục THADS huyện Bảo L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(ĐÃ KÝ)

Vũ Thị Thúy THnh

